

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHONG THỔ  
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 28-8-2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh.*

*Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vân Văn Kiều; Ông Ngô Văn Thế.*

*- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Đoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đồng Xuân Tím - Kiểm sát viên.*

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 115/2024/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2024, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Ma Thị C**, sinh năm: 1994, địa chỉ: **Bản L, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu**, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Lý A C1**, sinh năm: 1993, địa chỉ: **Bản L, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu**, vắng mặt, không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị **Ma Thị C** trình bày:

Chị **Ma Thị C** và anh **Lý A C1** là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 23/11/2015, tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu cấp. Chị **C** và anh **C1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó thì thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **C1** không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ con, giữa chị **C**, anh **C1** thường bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng

nói chung. Từ cuối năm 2023 đến nay, chị C và anh C1 đã sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, không liên lạc với nhau. Hiện nay, chị C không còn tình cảm với anh C1 nữa, vợ chồng không còn có sự quan tâm, chia sẻ với nhau, tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho chị C được ly hôn với anh C1.

Về con chung: Chị Ma Thị C và anh Lý A C1 và có 04 con chung là các cháu: Lý Thị C2, sinh ngày 23/11/2013; Lý Thị P, sinh ngày 11/8/2015; Lý Thị P1, sinh ngày 09/5/2016; Lý A H, sinh ngày 07/9/2017. Từ khi chị C, anh C1 sống ly thân thì các cháu C2, P, P1, H ở cùng với bố và bà nội, được bố và bà nội quan tâm, chăm sóc. Sau khi ly hôn, chị C và anh C1 đều có đủ điều kiện để nuôi con, chị C1 có nguyện vọng được nuôi cháu P, cháu P1, còn anh C1 nuôi cháu C2, cháu H. Chị C và anh C1 đều bận đi làm xa, anh chị đều có mẹ để hỗ trợ nuôi dưỡng, chăm sóc các con. Chị C không yêu cầu anh C1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ma Thị C và anh Lý A C1 không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Bị đơn không có yêu cầu phản tố. Tại phiên hòa giải, bị đơn vắng mặt nên vụ án không hòa giải được.

Theo lời khai của các cháu Lý Thị C2, Lý Thị P, Lý Thị P1: Hiện nay, các cháu đang ở với bố và bà nội. Anh C1 thường xuyên đi làm xa nên các cháu được bà nội quan tâm, chăm sóc. Nếu bố mẹ các cháu ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được ở với bố và bà nội.

Kết quả xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ của Tòa án, xác định: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và điều kiện nuôi con của chị C, anh C1 đúng như lời khai của các nguyên đơn. Chị C và anh C1 đều đi làm ở nơi xa, thỉnh thoảng mới về nhà nên các con đều để ở nhà nhờ bà nội nuôi dưỡng, chăm sóc. Qua ý kiến của những người trong gia đình bên bố mẹ đẻ của anh C1 thì anh C1 đã biết việc chị C gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh C1 bận đi làm nên không về. Anh C1 nhất trí ly hôn với chị C và nhất trí giao cháu P, cháu P1 cho chị C nuôi.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Ma Thị C**, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị **Ma Thị C** được ly hôn với anh **Lý A C1**. Về con chung: Giao cháu **Lý Thị P** và cháu **Lý Thị P1** cho chị **Ma Thị C** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu **Lý Thị C2** và cháu **Lý A H** cho anh **Lý A C1** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là chị **Ma Thị C** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị **C** và bị đơn là anh **Lý A C1**. Anh **C1** cư trú tại **bản L, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu**. Vì vậy, đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, Hội đồng xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Ma Thị C** và anh **Lý A C1** là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu** theo đúng quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị **C** và anh **C1** chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không chia sẻ, thông cảm cho nhau. Chị **C** và anh **C1** đã sống ly thân, không còn có sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương với nhau. Hiện nay, chị **C** không còn tình cảm với anh **C1** nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **C1**. Anh **C1** cũng nhất trí ly hôn với chị **C**. Tòa án đã thông báo phiên hòa giải và triệu tập các đương sự để tiến hành hòa giải nhưng tại phiên hòa giải, anh **C1** vắng mặt nên không hòa giải được. Giữa chị **C** và anh **C1** không còn có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, yêu thương nhau, quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận

yêu cầu xin ly hôn của chị **C**, giải quyết cho chị **C** được ly hôn với anh **C1** theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị **Ma Thị C** và anh **Lý A C1** và có 04 con chung, hiện nay các cháu đều dưới 18 tuổi, đang sống cùng với bố và bà nội, được bà nội quan tâm, chăm sóc. Khi được Tòa án hỏi ý kiến, các cháu đều có nguyện vọng được ở với bố và bà nội. Tuy nhiên, hiện nay, chị **C** và anh **C1** đều có đủ sức khỏe, có đủ khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con. Anh **C1** và chị **C** đều nhất trí giao cháu **P1**, cháu **P** cho chị **C** nuôi, giao cháu **C2**, cháu **H** cho anh **C1** nuôi. Chị **C** có mẹ đẻ hỗ trợ chị chăm sóc, giáo dục các con. Anh **C1** cũng có mẹ đẻ hỗ trợ anh trong việc chăm sóc, giáo dục các con. Vì vậy, để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu **P**, cháu **P1** cho chị **C** là người trực tiếp nuôi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, giao cháu **C2**, cháu **H** cho anh **C1** trực tiếp nuôi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị **C** và anh **C1** có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị **Ma Thị C**, anh **Lý A C1** không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Ma Thị C** và anh **Lý A C1** không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Ma Thị C** được ly hôn với anh **Lý A C1**.

- Về con chung:

Giao cháu **Lý Thị P1**, sinh ngày 09/5/2016 và cháu **Lý Thị P**, sinh ngày 11/8/2015, cho chị **Ma Thị C** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Giao cháu **Lý Thị C2**, sinh ngày 23/11/2013 và cháu **Lý A H**, sinh ngày 07/9/2017, cho anh **Lý A C1** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Ma Thị C** và anh **Lý A C1** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Ma Thị C** và anh **Lý A C1** không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.** Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Ma Thị C** được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**3.** Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã Mù Sang (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Hạnh**